

TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY

TỔ NGŨ VĂN

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGŨ VĂN - KHỐI 12

CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2025-2026

PHẦN I: PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

I. VĂN BẢN THÔNG TIN

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản.
- Đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.
- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các thông tin chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; so sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, thái độ và quan điểm của người viết, đánh giá, phê bình được văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm người đọc.

B. TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin

Bố cục: Trong văn bản thông tin, để đạt được mục đích viết, đa số tác giả kết hợp sử dụng nhiều kiểu sắp xếp, tổ chức các phần của văn bản, trong đó phổ biến là bốn kiểu cơ bản sau: trật tự thời gian, trật tự không gian, mức độ quan trọng của thông tin, trật tự logic (so sánh và đối chiếu, phân loại đối tượng, liệt kê, quan hệ nhân - quả, vấn đề và cách giải quyết,...).

Mạch lạc: Sự mạch lạc của văn bản thông tin được thể hiện ở việc các phần, đoạn, câu trong văn bản đều cùng bàn về một chủ đề và được sắp xếp theo trình tự, bố cục hợp lí. Thông thường, người viết có thể sử dụng hệ thống đề mục, một số từ ngữ cụ thể ứng với từng kiểu bố cục để tạo sự kết nối giữa các phần, đoạn, câu trong văn bản.

2. Dữ liệu trong văn bản thông tin

Dữ liệu nghiên cứu là những dữ liệu mà dựa vào đó, người nghiên cứu có thể đưa ra những kết luận đáng tin cậy. Trong nghiên cứu, dữ liệu có thể được chia thành hai nhóm chính là dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp.

Dữ liệu sơ cấp là loại dữ liệu nguồn hay dữ liệu gốc, thường chưa được phân tích, diễn giải, xử lí. Loại dữ liệu này cung cấp thông tin chưa được xử lí hoặc bằng chứng, báo cáo, sự tường thuật trực tiếp, đầu tiên về một sự việc/ hiện tượng hoặc một phát hiện mới. Chẳng hạn: hiện vật/ tranh ảnh gốc, nhật kí, thư từ, diễn văn, nội dung phỏng vấn, bản tường thuật của nhân chứng, tác phẩm nghệ thuật, dữ liệu thống kê,...

Dữ liệu thứ cấp là loại dữ liệu cung cấp thông tin đã được người viết xử lý, kể lại, mô tả, tóm tắt, tổng hợp hoặc diễn giải, đánh giá từ những nguồn dữ liệu sơ cấp. Tiêu biểu cho dữ liệu thứ cấp là dữ liệu trong các sách, báo, tạp chí như: bách khoa toàn thư, từ điển, sách tham khảo, sách giáo khoa, các bài báo, tạp chí có tính diễn giải, phân tích, bình luận, tổng hợp,... thông tin, bài phê bình tác phẩm nghệ thuật,...

Việc chia dữ liệu thành hai loại nêu trên chỉ có tính tương đối. Mỗi loại đều có ưu thế, tác dụng riêng. Vì thế, trong nghiên cứu, chúng ta nên sử dụng kết hợp cả hai loại dữ liệu.

3. Tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản: Dữ liệu, thông tin trong văn bản được xem là mới mẻ, cập nhật và có độ tin cậy khi đáp ứng một số yêu cầu sau:

- Được trích từ các tài liệu có tính học thuật như tạp chí khoa học chuyên ngành, sách chuyên khảo, giáo trình; thông tin trên trang web/ báo cáo của các tổ chức, cơ quan, nhà xuất bản có uy tín; văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước;...

- Được công bố bởi chuyên gia trong lĩnh vực đó và có người đọc là học giả hoặc chuyên gia trong lĩnh vực đó.

- Có tính minh bạch nếu dữ liệu được thu thập và phân tích hợp lý, có thể kiểm chứng được.

- Có tính khách quan, không có tính định kiến và không được công bố vì mục đích thương mại hay chính trị.

- Mới cập nhật hoặc được xuất bản trong thời gian gần nhất.

II. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh nhận biết và đánh giá được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết; nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

2. Học sinh nhận biết và phân tích được: nội dung các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

3. Học sinh xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết, nội dung và ý nghĩa của văn bản.

4. Học sinh thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do; liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời.

5. Phát hiện được các giá trị văn hóa, đạo đức, triết lý nhân sinh... từ văn bản; phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản trong việc làm thay đổi suy nghĩ, nhận thức, tình cảm, hành động, cách nhìn của bản thân đối với cuộc sống.

B. TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Văn bản nghị luận là gì?

Văn bản nghị luận là loại văn bản thể hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ. Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học, ...

2. Văn bản nghị luận gồm những yếu tố gì?

a. Luận đề:

- Luận đề là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm... được tập trung bàn luận trong văn bản.
- Việc chọn luận đề để bàn luận luôn cho thấy rõ tầm nhận thức, trải nghiệm, sở trường, thái độ, cách nhìn nhận cuộc sống của người viết. Thông thường, luận đề của văn bản được thể hiện rõ qua từ nhan đề.

b. Luận điểm:

- Là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề. Nhờ hệ thống luận điểm các khía cạnh cụ thể của luận đề mới được làm nổi bật theo một cách thức nhất định.
- Luận điểm cần được trình bày một cách rõ ràng, có hệ thống, có định hướng cụ thể và đảm bảo tính chính xác cao.

c. Lí lẽ và bằng chứng:

- **Lí lẽ:** Lí lẽ nảy sinh nhờ suy luận logic được dùng để giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ và đứng vững.
- **Bằng chứng:** Bằng chứng là những căn cứ cụ thể, sinh động được triển khai từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ.

Tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận

- Để làm nên sức hấp dẫn, thuyết phục của văn bản nghị luận, cần có những lí lẽ, bằng chứng thích hợp, chính xác, đầy đủ.
- **Tính thuyết phục của lí lẽ:** Thể hiện ở chỗ soi chiếu vấn đề trên nhiều khía cạnh, có những cơ sở vững chắc (từ lí thuyết và thực tiễn) để làm điểm tựa cho lập luận. Lí lẽ cần được lập luận một cách chặt chẽ, đảm bảo đủ cơ sở và kết luận.
- **Tính thuyết phục của bằng chứng:** Thể hiện ở việc lựa chọn bằng chứng phù hợp, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ.
- Tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng còn thể hiện ở những cách biểu đạt độc đáo, ấn tượng, giàu tính hùng biện, nhằm tác động vào tư tưởng, tình cảm của người đọc

3. Các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả, thuyết minh trong văn bản nghị luận

- **Yếu tố biểu cảm:** Nhằm tăng sức thuyết phục, văn nghị luận cần sử dụng yếu tố biểu cảm để tác động vào tình cảm người đọc. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận cần thân thực, đảm bảo sự mạch lạc, chặt chẽ của bài nghị luận.
- **Yếu tố miêu tả:** Thể hiện các đặc điểm, tính chất nổi bật của con người, con vật, đồ vật, cảnh sinh hoạt,...
- **Yếu tố tự sự:** Thuật lại các sự việc liên quan đến luận đề, luận điểm, các bằng chứng trong văn bản.
- **Yếu tố thuyết minh:** Cung cấp tri thức về nguồn gốc, cấu tạo, vai trò, ý nghĩa,.. của đối tượng cần bàn luận

4. Nhan đề của văn bản nghị luận: Nhan đề của văn bản nghị luận thường khái quát nội dung chính của văn bản. Bên cạnh đó, để tăng sức thuyết phục, người viết có thể chọn những nhan đề độc đáo, khơi gợi cảm xúc nơi người đọc.

PHẦN II: PHẦN VIẾT (4.0 điểm)

Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ

1. Kiểu bài: Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thức đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó.

2. Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Trình bày luận điểm rõ ràng, gãy gọn, thể hiện được quan điểm của người viết về vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.
- Đưa ra được hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ để làm sáng tỏ luận điểm.
- Có thể phân tích, trao đổi với những ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện, khách quan về vấn đề.

3. Bố cục gồm 3 phần:

- **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ cần bàn luận, trình bày được quan điểm của người viết về vấn đề.

- Thân bài:

- + Giải thích được vấn đề cần bàn luận
- + Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết
- + Trao đổi, phản biện với các ý kiến khác, ý kiến trái chiều về vấn đề.
- + Nêu được những đề xuất, giải pháp phù hợp để thực hiện hoặc giải quyết vấn đề.

- **Kết bài:** Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề; đề xuất tóm tắt giải pháp hoặc bài học phù hợp.